

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hòa phúc**

Bản án số: 57/2020/HSST  
Ngày: 29/12/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

*Thẩm phán:* Ông Lê Xuân Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Nguyễn Hữu Minh

+ Bà Huỳnh Thị Kim Xuyên

+ Ông Đào Văn Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Mỹ Tiên - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:**

Ông Mai Văn Cường - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2020/TLST-HS ngày 16/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2020/QĐXXST-HS ngày 08/10/2020 đối với bị cáo:

**ĐỖ THỊ THANH T** - sinh năm: 1989 tại Bình Định; nơi ĐKKHKT: Số 48/3 NXN, tổ 40, khu vực 5, P. QT, Tp. QN, tỉnh Bình Định; chỗ ở: 445 NTH, P. NVC, Tp. QN, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Minh T, sinh năm 1965 và bà: Hồ Thị M, sinh năm 1964; chồng: Trần Đoàn Quốc V, sinh năm 1978; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa:** Ông Lê Văn Khanh - Luật sư hoạt động tại Công ty luật TNHH MTV Sài Gòn - QN - Đoàn luật sư tỉnh Bình Định bào chữa cho bị cáo theo luật định. (Có mặt).

**- Bị hại:**

1. Bà Hồ Thị Thu D, sinh năm 1983 (có mặt)

Trú tại: Số 1025/17F CMT8, P. 7, quận TB, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1981 (có mặt)

Trú tại: Số 71B/1 LG, P. NM, Tp. QN, tỉnh Bình Định.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 (có mặt)

Trú tại: Số 161/5 LL, P. THĐ, Tp. QN, tỉnh Bình Định.

4. Bà Lê Thị Kim O, sinh năm 1990 (có mặt)

Trú tại: Số 126 TN, P. QT, Tp. QN, tỉnh Bình Định.

5. Ông Đinh Công Tr, sinh năm 1987 (có mặt)

Trú tại: Căn A9.10 chung cư Simona, đường HVT, P. NM, Tp. QN, tỉnh Bình Định.

6. Bà Trịnh Thị Bích H, sinh năm 1976 (có mặt)

Trú tại: Số 18 NBH, P. Thị Nại, Tp. QN, tỉnh Bình Định.

7. Bà Nguyễn Thị Thảo V, sinh năm 1990 (có mặt)

Trú tại: Số 277 TS, P. QT, Tp. QN, tỉnh Bình Định.

8. Bà Lê Thị H, sinh năm 1979 (có mặt)

Trú tại: Số 493A/99 CMT 8, P. 13, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Đoàn Quốc V, sinh năm 1978 (có mặt)

Trú tại: 445 NTH, P. Nguyễn Văn Cừ, Tp. QN, Bình Định.

2. Bà Huỳnh Thùy T1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Trú tại: 71B/1 LG, P. NM, Tp. QN, Bình Định.

3. Bà Trần Thị Lệ Th, sinh năm 1986 (có mặt)

Trú tại: 742 THĐ, P. Đống Đa, Tp. QN, Bình Định.

4. Bà Nguyễn Thị Yến V1, sinh năm 1996 (có mặt)

Trú tại: 27 TH, P. QT, Tp. QN, Bình Định.

5. Bà Phùng Thị Ngọc H1, sinh năm 1990 (có mặt)

Trú tại: 10 TTL, P. GR, Tp. QN, Bình Định.

6. Bà Tàn Mỹ D, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Trú tại: 21 NVB, P. THĐ, Tp. QN, Bình Định.

### **NỘI D VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2019, do bị mất khả năng thanh toán các khoản nợ cá nhân nên Đỗ Thị Thanh T đã dùng nhiều thủ đoạn gian

dối như: huy động tiền để mua bán hàng, làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng, cho người khác vay lại lấy lãi... với thời gian đầu tư ngắn và lợi nhuận cao để huy động góp vốn từ những người quen. Sau khi nhận được tiền đã huy động, T không thực hiện như đã thỏa thuận trước đó, mà dùng tiền của người này để thanh toán cho người khác. Để mọi người tin tưởng, ngoài việc duy trì hoạt động đăng bài bán hàng trên mạng xã hội Facebook, T còn đưa ra các thông tin không có thật như: Chi họ của T là Hồ Thị Thu D, làm Trưởng phòng tại ngân hàng ACB - Chi nhánh Lê Đại Hành, Tp. Hồ Chí Minh có khả năng làm thủ tục cho khách hàng vay lại để thu hồi nhanh các khoản cho vay đáo hạn; T có người quen làm việc tại sân bay Tân Sơn Nhất, có thể phân công tiếp viên lấy hàng từ nước ngoài về để bán. Để đối phó với những người góp vốn thu hồi tiền gốc, thì trước khi đến kỳ hạn thanh toán, T tự nghĩ ra và gửi cho những người này danh sách nhiều đơn đáo hạn, đơn hàng mới với lợi nhuận hấp dẫn và thuyết phục họ chỉ nhận tiền lợi nhuận hoặc tiền chênh lệch giữa đơn mới và đơn cũ, còn tiền gốc để lại hoặc góp thêm tăng số tiền gốc cho T làm tiếp đơn mới với giá tiền cao hơn. Với thủ đoạn này mà T đã tạo được lòng tin của nhiều người nên số người này chỉ thu hồi phần tiền lợi nhuận và tiếp tục góp thêm tiền kinh doanh theo thuyết phục của T. Đỗ Thị Thanh T đã sử dụng các tài khoản số 258751709, tài khoản số 5266507 và tài khoản số 9402817 của Trần Đoàn Quốc V, cùng mở tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Bình Định để tạo sự thuận lợi trong việc giao, nhận tiền giữa T và các bị hại. Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2018 đến năm 2019, bằng thủ đoạn gian dối nêu trên, Đỗ Thị Thanh T đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại, cụ thể như sau:

#### 1. Bị hại Hồ Thị Thu D:

Từ ngày 13/02/2018 đến ngày 13/01/2020, bằng thủ đoạn gian dối nêu trên, Đỗ Thị Thanh T đã huy động của Hồ Thị Thu D 9.190.069.000 đồng. Sau khi nhận được tiền của Hồ Thị Thu D, T đã trả nhiều lần cho Hồ Thị Thu D 6.881.187.000 đồng, còn lại 2.308.882.000 đồng T chiếm đoạt.

#### 2. Bị hại Huỳnh Thị Mỹ L:

Trong khoảng thời gian từ ngày 01/5/2018 đến 10/01/2020, cũng bằng các thủ đoạn gian dối như trên, Đỗ Thị Thanh T đã huy động của Huỳnh Thị Mỹ L 35.583.768.000 đồng (*trong số tiền đó bao gồm khoản tiền T vay 200.000.000 đồng để làm ăn, T và chồng là Trần Đoàn Quốc V cùng ký vào giấy nhận nợ*). Sau khi nhận tiền, T đã nhiều lần trả cho Huỳnh Thị Mỹ L 32.713.269.900 đồng, còn lại 2.870.498.100 đồng T chiếm đoạt.

#### 3. Bị hại Nguyễn Thị T:

Từ ngày 14/01/2019 đến ngày 12/01/2020, bằng các thủ đoạn gian dối trên, Đỗ Thị Thanh T đã huy động của Nguyễn Thị T 4.111.130.000. Sau khi nhận tiền, T đã nhiều lần trả cho Nguyễn Thị T 2.928.400.000, còn lại 1.182.730.000 T chiếm đoạt.

#### 4. Bị hại Lê Thị Kim O:

Từ ngày 17/8/2019 đến ngày 06/01/2020, bằng các thủ đoạn gian dối trên, Đỗ Thị Thanh T đã huy động của Lê Thị Kim O 5.009.039.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T đã nhiều lần trả cho Lê Thị Kim O 4.179.707.000 đồng, còn lại 825.332.000 đồng T chiếm đoạt.

5. Bị hại Đinh Công Tr:

Từ ngày 29/11/2019 đến 08/01/2020, bằng các thủ đoạn gian dối trên, Đỗ Thị Thanh T đã huy động của Đinh Công Tr 1.159.080.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T đã nhiều lần trả cho Đinh Công Tr số tiền: 193.562.000 đồng, còn lại 965.518.000 đồng T chiếm đoạt.

6. Bị hại Trịnh Thị Bích H:

Từ ngày 04/12/2019 đến ngày 03/01/2020, bằng các thủ đoạn gian dối của T nên Trịnh Thị Bích H nhiều lần giao tiền mặt cho T (Trần Đoàn Quốc V nhận tiền thay 01 lần cho T) 1.287.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T đã nhiều lần trả cho Trịnh Thị Bích H 269.520.000 đồng, còn số tiền: 1.017.480.000 đồng T chiếm đoạt.

7. Bị hại Nguyễn Thị Thảo V:

Ngày 12/01/2020, bằng các thủ đoạn gian dối trên, Đỗ Thị Thanh T đã huy động của Nguyễn Thị Thảo V số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền trên, T trả cho V 4.000.000 đồng, còn lại 46.000.000 đồng T chiếm đoạt.

8. Bị hại Lê Thị H:

Từ ngày 16/8/2019 đến 31/12/2019, T đã vay của Lê Thị H tổng cộng 1.702.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T đã nhiều lần trả cho Lê Thị H 944.950.000 đồng, còn lại 757.050.000 đồng T chiếm đoạt.

Như vậy, tổng số tiền mà Đỗ Thị Thanh T chiếm đoạt của các bị hại Hồ Thị Thu D, Huỳnh Thị Mỹ L, Nguyễn Thị T, Lê Thị Kim O, Đinh Công Tr, Trịnh Thị Bích H, Nguyễn Thị Thảo V, Lê Thị H là 9.973.490.100 đồng; Đỗ Thị Thanh T khai nhận đã chiếm đoạt số tiền này dùng trả lãi cho những người cho vay (không xác định được người nào cụ thể), tiêu xài cá nhân và sử dụng số tiền 1.163.972.300 trả lợi nhuận không cho 04 người gồm: Trả lãi vay cho Huỳnh Thùy T1 1.105.978.000; trả lãi cho Trần Thị Lệ T 31.735.000 đồng; trả cho Nguyễn Thị Yến V1 6.904.000 đồng; trả lãi cho Phùng Thị Ngọc H1 19.355.300 đồng.

Tại bản cáo trạng số 67/CT-VKSBD-P2 ngày 12/11/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Đỗ Thị Thanh T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị Thanh T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thị Thanh T từ 13 đến 15 năm tù.

- Về trách nhiệm bồi thường: Buộc bị cáo Đỗ Thị Thanh T phải có trách nhiệm bồi thường cho 08 người bị hại tổng số tiền 9.973.490.100 đồng.

***Luật sư Lê Văn Khanh bào chữa cho bị cáo:*** Bị cáo Đỗ Thị Thanh T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi th1 khắc phục một phần hậu quả. Khi bị cáo phạm tội bị cáo đang mang thai. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con còn nhỏ. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo 10 năm tù.

Bị cáo không bào chữa, không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 04/2018 đến tháng 01/2020, do không có khả năng thanh toán các khoản nợ vay của các cá nhân đã vay trước đó, nên Đỗ Thị Thanh T đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối để huy động tiền của nhiều cá nhân trên địa bàn thành phố QN bằng cách kêu gọi góp vốn vào hoạt động kinh doanh, mua bán hàng hóa, làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng, cho vay lấy lãi...Để tạo sự tin tưởng T thường xuyên đăng bài bán hàng trên mạng xã hội Facebook, lập không các danh sách nhiều đơn đáo hạn ngân hàng, các đơn hàng với lợi nhuận hấp dẫn gửi cho những người mà T cần huy động vốn, để họ tin tưởng tiếp tục góp vốn cho T làm tiếp những đơn hàng mới với giá tiền cao hơn. Với thủ đoạn trên T đã huy động tiền của Hồ Thị Thu D, Huỳnh Thị Mỹ L, Nguyễn Thị T, Lê Thị Kim O, Đinh Công Tr, Trịnh Thị Bích H, Nguyễn Thị Thảo V, Lê Thị H với tổng số tiền 58.092.086.000 đồng. Sau khi nhận tiền của các bị hại, Đỗ Thị Thanh T không thực hiện như đã cam kết trước đó, mà sử dụng số tiền này trả cho chính các bị hại với tổng số tiền 48.118.595.900 đồng. Còn số tiền 9.973.490.100 đồng T chiếm đoạt để

tiêu xài cá nhân và trả nợ cho các chủ nợ khác dẫn đến không có khả năng thanh toán.

Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo Đỗ Thị Thanh T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS như Bản cáo trạng số 67/CT-VKSBD-P2 ngày 12/11/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo Đỗ Thị Thanh T gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung tội phạm.

**[4] Các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

- Các tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi phạm tội bị cáo đang mang thai nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

**[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:** Bị cáo Đỗ Thị Thanh T chiếm đoạt của 08 bị hại với tổng số tiền 9.973.490.100 đồng. Do đó, buộc bị cáo Đỗ Thị Thanh T phải có trách nhiệm trả 08 bị hại số tiền đã chiếm đoạt 9.973.490.100 đồng cụ thể như sau:

1. Hồ Thị Thu D: 2.308.882.000 đồng.
2. Huỳnh Thị Mỹ L: 2.870.498.100 đồng.
3. Bị hại Nguyễn Thị T: 1.182.730.000 đồng.
4. Bị hại Lê Thị Kim O: 825.332.000 đồng.
5. Bị hại Đinh Công Tr: 965.518.000 đồng.
6. Bị hại Trịnh Thị Bích H: 1.017.480.000 đồng.
7. Bị hại Nguyễn Thị Thảo V: 46.000.000 đồng.
8. Bị hại Lê Thị H: 757.050.000 đồng.

**[6] Về xử lý vật chứng:** 06 cuốn sổ theo dõi hoạt động huy động tiền của Đỗ Thị Thanh T là tài liệu, chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên không thuộc đối tượng để xử lý theo Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS nên lưu hồ sơ.

**[7] Về án phí:** Bị cáo Đỗ Thị Thanh T phải chịu án phí HSST và án phí DSST.

**[8] Vấn đề khác:**

- Đối với Trần Đoàn Quốc V có hành vi giao tài khoản ngân hàng của mình cho bị cáo Đỗ Thị Thanh T sử dụng để giao dịch nhận, chuyển khoản tiền với

người khác, V còn nhận tiền góp vốn của người bị hại rồi giao lại cho T, kí giấy mượn tiền để xác nhận nợ cùng với T. Tuy nhiên, V tin tưởng T huy động vốn của người khác để hoạt động kinh doanh là thật, không biết T dùng thủ đoạn gian dối huy động tiền của người khác để trả nợ, nên hành vi của V không có dấu hiệu đồng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Trần Đoàn Quốc V là có căn cứ.

- Đối với Tần Mỹ D đã chuyển tiền giúp Đỗ Thị Thanh T, nhưng D không biết được việc T dùng thủ đoạn gian dối huy động tiền của người khác nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Tần Mỹ D là có căn cứ.

[9] Luật sư đưa ra luận cứ bào chữa cho bị cáo đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS, xử phạt bị cáo 10 năm tù là không phù hợp. Bị cáo Đỗ Thị Thanh T chiếm đoạt của 8 bị hại với tổng số tiền 9.973.490.100 đồng, trong khi đó bị cáo chỉ mới bồi thường cho bị hại 4.000.000 đồng, số tiền bồi thường cho bị hại so với số tiền chiếm đoạt quá ít, do đó bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Xét tính chất, mức độ, hậu quả bị cáo gây ra là quá lớn, mức án 10 năm tù mà luật sư đưa ra không phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

***Tuyên bố:*** Bị cáo Đỗ Thị Thanh T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- ***Căn cứ vào:*** Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- ***Xử phạt:*** Bị cáo Đỗ Thị Thanh T 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- ***Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:***

***Về trách nhiệm dân sự:***

Áp dụng: Điều 48 BLHS; Điều 463; Điều 466 BLDS.

Buộc bị cáo Đỗ Thị Thanh T phải có trách nhiệm trả cho những người bị hại cụ thể như sau:

1. Hồ Thị Thu D: 2.308.882.000 đồng.
2. Huỳnh Thị Mỹ L: 2.870.498.100 đồng.
3. Bị hại Nguyễn Thị T: 1.182.730.000 đồng.
4. Bị hại Lê Thị Kim O: 825.332.000 đồng.

5. Bị hại Đinh Công Tr: 965.518.000 đồng.
6. Bị hại Trịnh Thị Bích H: 1.017.480.000 đồng.
7. Bị hại Nguyễn Thị Thảo V: 46.000.000 đồng.
8. Bị hại Lê Thị H: 757.050.000 đồng.

***Về quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự:***

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (2015) tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***\* Về xử lý vật chứng:***

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Lưu vào hồ sơ vụ án: 06 cuốn sổ theo dõi hoạt động huy động tiền của Đỗ Thị Thanh T

***\* Về án phí:***

**Án phí HSST:** Bị cáo Đỗ Thị Thanh T phải chịu 200.000 đồng.

**Án phí DSST:** Bị cáo Đỗ Thị Thanh T phải chịu 117.973.490 đồng.

**\* Quyền kháng cáo đối với bản án:** Bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, những người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT 1 - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan THAHS và HTTP CA tỉnh Bình Định ;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Phòng KTNV&THA tỉnh Bình Định
- Người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hoài Xuân**



- Luvu.